TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 02 – 3 – 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Văn Hồng.

Bà: Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm , tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST – DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-DS ngày 22/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1970 *(Có mặt).*

*Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng***.**

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1972 *(Vắng mặt lần thứ hai).*

2. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1974 *(Vắng mặt lần thứ hai).*

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 49, ấp Long Thành, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1956 *(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày như sau:

Ông có cho vợ chồng ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L vay tiền các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 10/4/2015 âm lịch vay 3.000.000 đồng, vay không lãi suất, không có làm giấy tờ, có ông Huỳnh Văn H, địa chỉ ấp L, xã T, thị xã N chứng kiến, thời hạn vay đến khi nào cần tiền thì ông lấy lại; đến khoảng tháng 6/2015 ông C có trả cho ông được 1.900.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng chưa trả.

Lần thứ hai: Vào ngày 11/10/2016 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, không có làm giấy tờ, có ông Huỳnh Văn H, địa chỉ ấp L, xã T, thị xã N chứng kiến, thời hạn vay đến khi nào cần tiền thì ông lấy lại; đến khoảng tháng 11/2016 ông C có trả cho ông được 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả; kể từ khi vay đến nay ông C không có đóng lãi cho ông.

Lần thứ ba: Vào ngày 26/12/2016 âm lịch vay 70.000.000 đồng, lãi suất 05%/ngày *(Do ông C tự đặt ra),* hạn trả là ngày 10/01/2017 âm lịch, do chính tay ông C viết và ký tên vào giấy nhận nợ vay. Tuy nhiên, kể từ khi vay đến nay ông C không có đóng lãi cũng không trả nợ gốc cho ông.

Ông đã nhiều lần đến nhà vợ chồng ông C để yêu cầu trả nợ, tuy nhiên ông bà không trả mà còn tỏ ra thái độ thiếu trách nhiệm trong việc trả nợ cho ông. Do đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết buộc ông Phạm Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị Thúy L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 76.100.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với lần vay thứ hai tính từ ngày 11/10/2016 âm lịch tạm tính đến ngày khởi kiện 5.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 12 tháng = 966.000 đồng; đối với lần vay thứ ba tính từ ngày 26/12/2016 âm lịch tạm tính đến ngày khởi kiện 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng = 11.620.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết buộc ông C và vợ là bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 76.100.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với lần vay thứ hai tính từ ngày 11/10/2016 âm lịch đến khi xét xử; đối với lần vay thứ ba tính từ ngày 26/12/2016 âm lịch đến khi xét xử.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay là 76.100.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật đối với lần vay thứ hai và thứ ba, tính từ ngày vay đến khi xét xử. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; do đó, HĐXX căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông T cho rằng ông C và bà L có vay tiền của ông ba lần, lần thứ nhất vay 3.000.000 đồng vào ngày 10/4/2015 âm lịch, ông C có trả được 1.900.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng chưa trả; lần thứ hai vay 10.000.000 đồng vào ngày 11/10/2016 âm lịch, ông C có trả được 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng chưa trả; lần thứ ba vay 70.000.000 đồng vào ngày 26/12/2016 âm lịch chưa trả; kể từ khi vay đến nay ông C không có đóng lãi cho ông. Do đó, ông yêu cầu buộc ông C và vợ là bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 76.100.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với lần vay thứ hai tính từ ngày 11/10/2016 âm lịch đến khi xét xử; đối với lần vay thứ ba tính từ ngày 26/12/2016 âm lịch đến khi xét xử.

[3] Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, phiá nguyên đơn ông T có cung cấp biên nhận nợ đề ngày 26/12/2016 âm lịch có người nhận nợ là ông C ký xác nhận, với nội dung là ông C có vay tiền của ông T 70.000.000 đồng, lãi suất 5%/ngày, đến ngày 10/01/2017 âm lịch sẽ trả vốn lãi 01 lần. Ngoài ra, đối với lần vay thứ nhất và thứ hai có người làm chứng là ông H hiểu biết và xác định. Đồng thời, sự việc trên được Đảng ủy xã T xử lý khai trừ đảng đối với ông C xác định ông C còn thiếu ông T số tiền 76.100.000 đồng. Khi thông báo thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm có tống đạt kèm theo biên nhận nợ vừa nêu cho phía bị đơn và sau khi xác minh người làm chứng thì Tòa án cũng có photo biên bản tống đạt kèm theo cho phía bị đơn, nhưng phí bị đơn không có ý kiến gì, xem như phía bị đơn đã đồng thuận với số tiền còn thiếu ông T như nội dung đơn khởi kiện của ông T. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ xác định phía bị đơn ông C có vay tiền ông T ba lần còn thiếu lại số tiền 76.100.000 đồng chưa trả.

[4] Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với ông C là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự , phù hợp với quy định tại Điều 388, 389 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 401, 402, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng đến nay ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên ông T yêu cầu ông C trả số tiền vay còn thiếu là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Đối với lần vay thứ hai vào ngày 11/10/2016 âm lịch *(Nhằm ngày 10/11/2016 dương lịch),* thời hạn vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005, nên ông T yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, nhưng do các bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng là cao so với quy định, nên căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất được xác định không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm x 150% = 1,125%/tháng, ngày vay là 10/11/2016 đến ngày xét xử là ngày 02/3/2018 = 15 tháng 20 ngày x 5.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 881.250 đồng *(1)*. Đối với lần

vay thứ ba vào ngày 26/12/2016 đến ngày 10/01/2017 âm lịch *(Nhằm ngày 23/01/2017 đến ngày 06/02/2017 dương lịch),* hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên ông T yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, nhưng do các bên thỏa thuận lãi suất 5%/ngày là cao so với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất trong hạn là 20%/năm = 1,666%/tháng, lãi suất quá hạn *(20% x 150% : 12 tháng)* = 2,499%/tháng; thời hạn vay là 14 ngày x 70.000.000 đồng x 1,666% = 544.226 đồng; lãi suất quá hạn từ ngày 06/02/2017 đến ngày xét xử là ngày 02/3/2018 = 12 tháng 24 ngày x 70.000.000 đồng x 2,499%/tháng = 20.991.600 đồng; tổng cộng lãi của lần 2 là 22.391.040 đồng *(2)*. Như vậy, (1) + (2) = 23.272.290 đồng.

[6] Về nghĩa vụ liên đới: Việc ông C vay tiền của ông T là nhằm mục đích làm ăn kiếm lời phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà L biết và không có ý kiến phản đối gì; vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới cùng thanh toán số nợ do vợ chồng làm ăn hợp pháp gây ra . Do đó, HĐXX buộc ông C và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn là 76.100.000 đồng và tiền lãi là 23.272.290 đồng như vừa nhận định ở phần trên.

[7] Về lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông T được HĐXX chấp nhận nên ông C và bà L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[9] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay là 76.100.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật đối với lần vay thứ hai và thứ ba, tính từ ngày vay đến khi xét xử. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét thấy, đề nghị trên của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ như vừa nhận định ở phần trên, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 1, 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn T. Buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L trả cho ông Đinh Văn T số tiền vốn vay là 76.100.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng)* và tổng số tiền lãi là 23.272.290 đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi đồng).*

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đinh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 4.968.614 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đinh Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

**** Nơi nhận:***
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.